

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 40
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11 - 40

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **TẬP ĐOÀN**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, tiền thân là Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 2180/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 953/QĐ-TTg ngày 23/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100061 ngày 13 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 03 năm 2025.

Trụ sở chính của Tập đoàn tại: Số 1A Tràng Tiền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phùng Quang Hiệp	Chủ tịch	
Ông: Nguyễn Hữu Tú	Thành viên	(Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2025)
Ông: Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	
Ông: Hoàng Mạnh Thắng	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thị Thu Bình	Thành viên	
Ông: Chu Văn Giáp	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Hữu Tú	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 15/01/2025)
Ông: Lê Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Lê Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Đào Trọng Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Văn Luyện	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 01/10/2025)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Văn Luyện	Trưởng Ban Kiểm soát	(Thôi giữ chức vụ từ ngày 01/10/2025)
Ông: Tăng Văn Quân	Kiểm soát viên	
Ông: Trần Văn Long	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm từ ngày 02/11/2025)
Ông: Nguyễn Như Diễm	Kiểm soát viên	(Hết nhiệm kỳ từ ngày 03/01/2026)

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Nguyễn Hữu Tú - Tổng Giám đốc.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tập đoàn.

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Thành viên Tập đoàn xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Hữu Tú**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2025, một số dự án của Tập đoàn như: Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào đang xác định lại các vật tư, tài sản cố định đã đầu tư để kết nối sang “Dự án điều chỉnh, bổ sung Dự án khai thác và chế biến muối mỏ Kali tại Lào”, có nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh bổ sung công nghệ khai thác và chế biến trên toàn bộ diện tích 10 km<sup>2</sup>; Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm đã tạm bàn giao đưa vào sử dụng nhưng đến nay chưa được quyết toán dự án hoàn thành (Chi tiết các nội dung liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số 4<sup>(1)</sup>, 4<sup>(2)</sup>, 6<sup>(\*)</sup>, 7<sup>(2)</sup>, 8<sup>(1)</sup>, 8<sup>(2)</sup>, 10<sup>(1)</sup>, 15<sup>(\*)</sup>, 17<sup>(1)</sup>, 17<sup>(2)</sup>, 29 và Thuyết minh số 30). Với các tài liệu được cung cấp, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn.

## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các Thuyết minh trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng sau đây:

- Thuyết minh số 18 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo đó Tập đoàn tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.
- Thuyết minh 32 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, theo đó Tập đoàn đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Thông báo kết quả kiểm toán Nhà nước và Nghị định số 20/2018/NĐ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Ngọc Lân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Cán Việt Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 4839-2024-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	(đã điều chỉnh)	
			31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.395.923.746.327</b>	<b>7.872.679.796.328</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>104.538.958.489</b>	<b>17.630.890.907</b>
111	1. Tiền		44.538.958.489	17.630.890.907
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>4.228.400.000.000</b>	<b>3.046.100.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.228.400.000.000	3.046.100.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>3.983.481.059.590</b>	<b>4.572.149.247.996</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	397.435.875	245.435.875
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	34.283.787.216	6.638.024.696
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		81.995.072	81.995.072
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	1.872.635.508.339	2.052.635.508.339
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	08	10.703.227.283.132	10.950.768.196.509
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.627.144.950.044)	(8.438.219.912.495)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>33.812.742</b>	<b>-</b>
141	1. Hàng tồn kho		33.812.742	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>79.469.915.506</b>	<b>236.799.657.425</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.665.520.000	617.151.993
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		59.904.162.097	59.904.162.097
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	17.900.233.409	176.278.343.335

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.561.437.726.654</b>	<b>7.556.870.599.326</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>616.800.000</b>	<b>594.800.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	616.800.000	594.800.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.721.226.578</b>	<b>5.734.290.561</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.357.726.578	4.370.790.561
222	- Nguyên giá		38.143.841.641	36.502.371.268
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.786.115.063)	(32.131.580.707)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.363.500.000	1.363.500.000
228	- Nguyên giá		1.903.779.800	1.903.779.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(540.279.800)	(540.279.800)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>8.396.609.400</b>	<b>8.396.609.400</b>
231	- Nguyên giá		8.396.609.400	8.396.609.400
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>103.735.780.878</b>	<b>101.589.122.718</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		103.735.780.878	101.589.122.718
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>7.436.859.265.398</b>	<b>7.436.241.054.172</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		12.295.654.638.758	12.268.384.438.758
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		282.543.521.312	353.804.551.312
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		61.458.604.694	61.458.604.694
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.202.797.499.366)	(5.247.406.540.592)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.108.044.400</b>	<b>4.314.722.475</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.108.044.400	4.314.722.475
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b><u>15.957.361.472.981</u></b>	<b><u>15.429.550.395.654</u></b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.298.294.290.000</b>	<b>1.247.593.623.814</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>783.008.573.815</b>	<b>691.286.840.629</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	458.925.959.392	457.428.910.175
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	65.093.292.595	242.359.787
314	3. Phải trả người lao động		26.722.592.584	19.848.233.669
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	17	214.616.796.390	210.896.306.875
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		17.649.932.854	2.871.030.123
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>515.285.716.185</b>	<b>556.306.783.185</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	460.000.000.000	556.021.067.000
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		55.285.716.185	285.716.185
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>14.659.067.182.981</b>	<b>14.181.956.771.840</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>14.657.515.552.889</b>	<b>14.180.405.141.748</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		13.718.000.000.000	13.718.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		939.515.552.889	697.526.911.486
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	(235.121.769.738)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	(884.390.267.676)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		-	649.268.497.938
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>1.551.630.092</b>	<b>1.551.630.092</b>
431	1. Nguồn kinh phí		1.551.630.092	1.551.630.092
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>15.957.361.472.981</b>	<b>15.429.550.395.654</b>

Người lập biểu

Vi Hoàng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Quốc Cường

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Tú

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	(đã điều chỉnh)	
			Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.446.366.818	2.680.307.917
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.446.366.818	2.680.307.917
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.374.483.107	1.554.470.272
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.883.711	1.125.837.645
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.119.356.798.069	1.588.236.285.266
22	7. Chi phí tài chính	23	(44.589.041.226)	(6.902.430.095)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		253.961.110	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	447.673.131.412	949.963.657.491
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		716.090.630.484	646.300.895.515
31	11. Thu nhập khác	25	3.551.337.511	3.123.625.672
32	12. Chi phí khác		542.915.450	156.023.249
40	13. Lợi nhuận khác		3.008.422.061	2.967.602.423
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		719.099.052.545	649.268.497.938
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	27	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>719.099.052.545</u>	<u>649.268.497.938</u>

Người lập biểu

Vi Hoàng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Quốc Cường

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Tú

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	(đã điều chỉnh)	
			Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		719.099.052.545	649.268.497.938
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(918.538.507.763)	(791.612.950.037)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.808.293.983	1.741.116.958
03	- Các khoản dự phòng		144.315.996.323	794.882.241.308
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(99.762.880.210)	(144.736.423.437)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.019.899.917.859)		(1.443.499.884.866)
07	- Các khoản điều chỉnh khác	55.000.000.000		-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(199.439.455.218)	(142.344.452.099)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(26.309.544.853)		95.872.777.518
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(33.812.742)		-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	12.096.199.477		(182.394.050.785)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(841.689.932)		-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(4.006.064.769)		(4.394.170.474)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(218.534.368.037)	(233.259.895.840)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(32.529.765.682)	(675.412.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		306.000.000	(190.351.993)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.182.300.000.000)		(1.199.050.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	180.000.000.000		180.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(27.270.200.000)		(14.165.497.500)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	101.042.142.600		1.440.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.266.192.269.779		1.229.511.273.030
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		305.440.446.697	195.431.451.537
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.630.890.907	55.458.655.173
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.988.922	680.037
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>104.538.958.489</u>	<u>17.630.890.907</u>

Người lập biểu



Vi Hoàng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Quốc Cường

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc





Nguyễn Hữu Tú

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, tiền thân là Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 2180/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Tập đoàn Hóa chất Việt Nam được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 953/QĐ-TTg ngày 23/06/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tập đoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100061 ngày 13 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 13 tháng 03 năm 2025.

Trụ sở chính của Tập đoàn được đặt tại: Số 1A Tràng Tiền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tập đoàn là: 13.718.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba nghìn bảy trăm mười tám tỷ đồng).

### Ngành nghề kinh doanh

- Ngành, nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất phân bón và hóa chất; công nghiệp chế biến cao su; sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản, hóa chất tiêu dùng, hóa dược, hóa dầu.
- Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính: Tư vấn thiết kế công nghiệp hóa chất; xuất, nhập khẩu vật tư, thiết bị hóa chất; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành hóa chất.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Tập đoàn có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ
Trung tâm Thông tin Khoa học Kỹ thuật Hóa chất	Hà Nội	Thông tin khoa học và công nghệ
Ban quản lý Dự án Đạm Ninh Bình	Ninh Bình	Ban quản lý dự án

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên trực thuộc và của Văn phòng Tập đoàn.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ ... đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tập đoàn.

### **2.4. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá là hợp lý.

### **2.5. Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### **Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

## 2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng/Báo cáo tài chính hợp nhất (*nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ*) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.9. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.10. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

## **2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## **2.12. Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.13. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh [riêng] theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí thuê xe ô tô được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê.

### **2.14. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### **2.15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **2.16. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.17. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

### **2.18. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

### **2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

#### **b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

### **2.20. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tập đoàn bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tập đoàn chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## **3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.631.256.244	785.481.235
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.907.702.245	16.845.409.672
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	-
	<b>104.538.958.489</b>	<b>17.630.890.907</b>

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 60.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại.

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	4.228.400.000.000	-	3.046.100.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn				
	<b>4.228.400.000.000</b>	-	<b>3.046.100.000.000</b>	-

Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng có giá trị 4.228.400.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>12.295.654.638.758</b>	<b>(5.195.174.499.366)</b>	<b>12.268.384.438.758</b>	<b>(5.208.974.354.417)</b>
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	1.725.009.284.738	-	1.725.009.284.738	-
- Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào <sup>(1)</sup>	236.290.111.535	-	209.019.911.535	-
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình <sup>(2)</sup>	2.313.741.525.486	(2.313.741.525.486)	2.313.741.525.486	(2.313.741.525.486)
- Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	13.249.412.711	-	13.249.412.711	-
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.658.310.000.000	(2.041.446.887.287)	2.658.310.000.000	(2.054.328.413.879)
- Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	288.098.000.000	-	288.098.000.000	-
- Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	935.103.360.000	-	935.103.360.000	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	287.310.000.000	-	287.310.000.000	-
- Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	802.500.000.000	(802.500.000.000)	802.500.000.000	(802.500.000.000)
- Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	287.063.294.000	-	287.063.294.000	-
- Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	239.858.725.000	-	239.858.725.000	-
- Công ty Cổ phần Supe Photphat và Hóa chất Lâm Thao	637.020.884.800	-	637.020.884.800	-
- Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	156.060.000.000	-	156.060.000.000	-

**Tập đoàn Hóa chất Việt Nam**

Số 1A Tràng Tiền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam <sup>(3)</sup>	237.019.910.000	-	237.019.910.000	-
- Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình	63.593.100.000	-	63.593.100.000	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì <sup>(3)</sup>	71.941.474.488	-	71.941.474.488	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	408.606.492.000	-	408.606.492.000	-
- Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng <sup>(3)</sup>	329.699.940.000	-	329.699.940.000	-
- Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	371.592.000.000	-	371.592.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	46.781.600.000	-	46.781.600.000	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	62.055.444.000	(37.486.086.593)	62.055.444.000	(38.404.415.052)
- Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	124.750.080.000	-	124.750.080.000	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>282.543.521.312</b>	-	<b>353.804.551.312</b>	<b>(30.809.186.175)</b>
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	4.120.680.000	-	4.120.680.000	-
- Công ty Cổ phần Cảng đạm Ninh Bình	49.000.000.000	-	49.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp Việt <sup>(4)</sup>	-	-	71.261.030.000	(30.809.186.175)
- Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	17.290.772.288	-	17.290.772.288	-
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	20.235.000.000	-	20.235.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	88.955.824.628	-	88.955.824.628	-
- Công ty Cổ phần Bột giặt NET	68.044.917.557	-	68.044.917.557	-
- Công ty TNHH Inoue Việt Nam	34.896.326.839	-	34.896.326.839	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>61.458.604.694</b>	<b>(7.623.000.000)</b>	<b>61.458.604.694</b>	<b>(7.623.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Pin Ác quy Vĩnh Phú (5)	7.623.000.000	(7.623.000.000)	7.623.000.000	(7.623.000.000)
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	52.569.360.000	-	52.569.360.000	-
- Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	1.266.244.694	-	1.266.244.694	-
	<b>12.639.656.764.764</b>	<b>(5.202.797.499.366)</b>	<b>12.683.647.594.764</b>	<b>(5.247.406.540.592)</b>

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào đang xác định lại các vật tư, tài sản cố định đã đầu tư để kết nối sang “Dự án điều chỉnh, bổ sung Dự án khai thác và chế biến muối mỏ Kali tại Lào”, có nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh bổ sung công nghệ khai thác và chế biến trên toàn bộ diện tích 10 km<sup>2</sup> (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 29).

(2) Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm đã tạm bàn giao đưa vào sử dụng nhưng đến nay chưa được quyết toán công trình hoàn thành, tình hình sản xuất kinh doanh thua lỗ, lỗ lũy kế đã vượt vốn chủ sở hữu.

(3) Trong năm, Công ty Cổ phần Pin Ác quy Miền Nam, Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì và Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Số cổ phiếu thường Tập đoàn nhận được lần lượt là 11.949.136 cổ phiếu PAC, 11.289.328 cổ phiếu HVT và 17.999.807 cổ phiếu DRC.

(4) Trong năm 2025, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp Việt, tổng giá trị cổ phần thực tế bán được là 101.190.722.600 VND.

(5) Trong năm, Công ty Cổ phần Pin Ác quy Vĩnh Phú tăng vốn điều lệ từ 51.435.700.000 VND lên 61.722.840.000 VND, Tập đoàn không đăng ký mua thêm cổ phần phát hành thêm. Sau khi Công ty Công ty Cổ phần Pin Ác quy Vĩnh Phú hoàn tất các thủ tục tăng vốn điều lệ, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn giảm từ 14,82% xuống còn 12,35%.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Lào Cai	100,00%	100,00%	Khai thác quặng Apatit
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	CHDCND Lào	100,00%	100,00%	Khai thác muối Kali
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	Ninh Bình	100,00%	100,00%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Bắc Ninh	97,66%	97,66%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ Que hàn	TP Hồ Chí Minh	98,16%	98,16%	Khí công nghiệp, Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	Hải Phòng	64,00%	64,00%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Lào Cai	53,50%	53,50%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	65,05%	65,05%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	Hà Nội	67,06%	67,06%	SXKD Phân bón
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Phú Thọ	69,82%	69,82%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	TP Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Hóa chất tiêu dùng
Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	51,43%	51,43%	Sản xuất Pin,Ắc quy
Công ty Cổ phần Phân Lân Ninh Bình	Ninh Bình	51,00%	51,00%	SXKD Phân bón
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	Phú Thọ	68,49%	68,49%	Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	51,01%	51,01%	Công nghiệp cao su
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Đà Nẵng	50,51%	50,51%	Công nghiệp cao su
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	TP Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	SXKD Phân bón
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	Hà Nội	80,00%	80,00%	Hóa chất tiêu dùng
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	Cần Thơ	51,00%	51,00%	SXKD Phân bón; Hóa chất cơ bản
Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Thuốc sát trùng

**Đơn vị sự nghiệp**

Thông tin chi tiết về các đơn vị sự nghiệp của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025:

Tên đơn vị sự nghiệp	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hoá chất	Phú Thọ	Đào tạo, nghiên cứu khoa học
Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	Viện nghiên cứu

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 31/12/2025:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Cảng Đạm Ninh Bình	Ninh Bình	49,00%	49,00%	Kinh doanh cảng
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Hà Nội	29,91%	29,91%	Tư vấn đầu tư, xây dựng
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	26,28%	26,28%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	Hà Nội	36,00%	36,00%	Công nghiệp cao su
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	Đồng Nai	36,00%	36,00%	Hóa chất tiêu dùng
Công ty TNHH Inoue Việt Nam	Hà Nội	24,00%	24,00%	Công nghiệp cao su

**Đầu tư vào đơn vị khác:**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2025:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	TP Hồ Chí Minh	15,00%	15,00%	Nhựa và Hóa chất
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	Hà Nội	1,99%	1,99%	Sản xuất Pin
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Vĩnh Phú	Phú Thọ	12,35%	12,35%	Sản xuất Pin, Ấc quy

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>110.000.000</b>	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cao su Miền Nam	77.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	33.000.000	-	-	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>287.435.875</b>	<b>(245.435.875)</b>	<b>245.435.875</b>	<b>(245.435.875)</b>
- Công ty Thiết bị và Sản phẩm An toàn Việt Nam	215.675.139	(215.675.139)	215.675.139	(215.675.139)
- Công ty Cổ phần Thiết bị Thực phẩm	29.760.736	(29.760.736)	29.760.736	(29.760.736)
- Các khách hàng khác	42.000.000	-	-	-
	<b>397.435.875</b>	<b>(245.435.875)</b>	<b>245.435.875</b>	<b>(245.435.875)</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	-	-	-	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>34.283.787.216</b>	-	<b>6.638.024.696</b>	-
- Công ty Hữu Hạn Công trình SEDIN (*)	1.209.096.535	-	1.209.096.535	-
- Công ty Hữu hạn Giám sát Dự án hóa dầu QuangDong Shunye (*)	2.490.802.532	-	2.490.802.532	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Phát triển Hạ tầng (*)	690.822.638	-	690.822.638	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sơn Lập	859.597.671	-	859.597.671	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng BĐS LANMAK	21.957.430.169	-		
- Công ty Cổ phần Cơ điện và Công nghệ EMC	4.630.447.353	-		
- Các khoản trả trước người bán khác	2.445.590.318	-	1.387.705.320	-
	<b>34.283.787.216</b>	-	<b>6.638.024.696</b>	-

(\*) Khoản tạm ứng cho các nhà thầu thi công Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm.

## 7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>2.052.635.508.339</b>	<b>(2.052.635.508.339)</b>	-	<b>180.000.000.000</b>	<b>1.872.635.508.339</b>	<b>(1.872.635.508.339)</b>
- Công ty Cổ phần Pin Ác quy Vĩnh Phú <sup>(1)</sup>	6.600.000.000	(6.600.000.000)	-	-	6.600.000.000	(6.600.000.000)
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình <sup>(2)</sup>	2.046.035.508.339	(2.046.035.508.339)	-	180.000.000.000	1.866.035.508.339	(1.866.035.508.339)
	<b>2.052.635.508.339</b>	<b>(2.052.635.508.339)</b>	-	<b>180.000.000.000</b>	<b>1.872.635.508.339</b>	<b>(1.872.635.508.339)</b>

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

Loại tiền	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025	01/01/2025
VND	Số 210/ HCVN-TCKT	16%	2013	Tín chấp	1.872.635.508.339	2.052.635.508.339
					6.600.000.000	6.600.000.000
					1.866.035.508.339	2.046.035.508.339
					<b>1.872.635.508.339</b>	<b>2.052.635.508.339</b>

***Bên liên quan***

(1) Công ty Cổ phần Pin ác quy Vĩnh Phú

(2) Các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	đảm bảo	31/12/2025	01/01/2025
					VND	VND
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>						
(2) Công ty TNHH MTV Dặm Ninh Bình						
Hợp đồng 01/2016/HD-HCVN	VND	6,00%	2019	Tín chấp	-	88.039.389.394
Hợp đồng 08/2016/HD-HCVN	VND	6,50%	2019	Tín chấp	275.075.324.930	367.035.935.536
Hợp đồng 04/2017/HD-HCVN	VND	6,50%	2020	Tín chấp	366.519.037.093	366.519.037.093
Hợp đồng 11/2017/HD-HCVN	VND	6,50%	2020	Tín chấp	362.087.535.970	362.087.535.970
Hợp đồng 18-T.01/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	361.150.772.989	361.150.772.989
Hợp đồng 19-T.02/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	4.128.112.394	4.128.112.394
Hợp đồng 20-T.03/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	36.848.277.451	36.848.277.451
Hợp đồng 21-T.04/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	3.678.712.339	3.678.712.339
Hợp đồng 22-T.05/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	3.312.703.482	3.312.703.482
Hợp đồng 23-T.06/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	2.392.913.386	2.392.913.386
Hợp đồng 24-T.07/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	393.286.440.063	393.286.440.063
Hợp đồng 25-T.08/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	3.457.630.948	3.457.630.948
Hợp đồng 26-T.09/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	10.629.151.553	10.629.151.553
Hợp đồng 27-T.10/2018/HD-HCVN	VND	6,70%	2021	Tín chấp	3.148.281.225	3.148.281.225
Hợp đồng 28-T.12/2018/HD-HCVN	VND	6,80%	2021	Tín chấp	40.320.614.516	40.320.614.516
					<b>1.866.035.508.339</b>	<b>2.046.035.508.339</b>

Các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng

Các khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi sau 12 tháng

(2) Khoản cho vay Công ty TNHH MTV Dặm Ninh Bình đã được cơ cấu lại theo đề án tái cơ cấu và phương án cơ cấu khoản nợ đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận (Xem thêm thuyết minh số 30).

## 8. PHẢI THU KHÁC

	(Đã điều chỉnh)			
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Dự thu lãi tiền gửi	40.530.021.134	-	33.213.533.425	-
- Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình tiền lãi cho vay <sup>(1)</sup>	353.395.029.902	(351.859.115.695)	352.594.057.432	(350.117.630.481)
- Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình theo thông báo nhận nợ của Tập đoàn <sup>(1)(*)</sup>	6.055.104.736.801	(5.857.476.755.461)	5.956.144.817.983	(5.437.061.225.729)
- Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình về tiền lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn chưa thanh toán <sup>(1)</sup>	556.000.000.000	(543.262.756.895)	652.000.000.000	(596.494.734.292)
- Phải thu Công ty Cổ phần PinẮc quy Vĩnh Phú tiền lãi cho vay	1.665.377.779	(1.665.377.779)	1.665.377.779	(1.665.377.779)
- Phải thu các đơn vị thành viên tiền cổ tức, lợi nhuận được chia	80.194.251.581	-	363.890.203.810	-
- Phải thu Công ty TNHH Muối mỏ Việt Lào <sup>(2)</sup>	2.450.264.462.327	-	2.426.216.816.705	-
+ Phải thu tiền cấp hoạt động	1.549.804.601.966	-	1.525.756.956.344	-
+ Phải thu tiền thi hành án <sup>(**)</sup>	811.081.144.171	-	811.081.144.171	-
+ Phải thu tiền chi phí thăm dò khai thác	88.638.729.140	-	88.638.729.140	-
+ Phải thu khác	739.987.050	-	739.987.050	-
- Phải thu từ thanh lý tài sản loại ra khi cổ phần hoá Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	-	-	1.693.506.388	-
- Phải thu khác	5.975.050.975	-	3.251.530.354	-
<b>Ban Quản lý dự án Đạm Ninh Bình</b>				
- Phải thu Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình (tiền Tập đoàn tạm cấp cho Ban Quản lý Dự án Đạm Ninh Bình để chuyển tiền cho Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình) <sup>(1)</sup>	434.960.201.934	-	434.960.201.934	-
- Phải thu Tổng Công ty Thiết kế và Thầu khoán Hoàn Cầu tiền mua than cám dùng cho chạy thử nhà máy <sup>(1)</sup>	703.442.647.766	-	703.442.647.766	-
- Phải thu Tổng Công ty Thiết kế và Thầu khoán Hoàn Cầu tiền lãi vay cho chạy thử nhà máy <sup>(1)</sup>	21.525.444.789	-	21.525.444.789	-
- Phải thu khác	170.058.144	-	170.058.144	-
	<b>10.703.227.283.132</b>	<b>(6.754.264.005.830)</b>	<b>10.950.768.196.509</b>	<b>(6.385.338.968.281)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	616.800.000	-	594.800.000	-
	<b>616.800.000</b>	<b>-</b>	<b>594.800.000</b>	<b>-</b>

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	7.399.459.968.637	(6.752.598.628.051)	7.395.699.077.349	(6.383.673.590.502)
- Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	2.450.264.462.327	-	2.426.216.816.705	-
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	-	-	1.693.506.388	-
- Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	69.290.670.331	-	303.336.772.310	-
- Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	-	-	29.999.679.000	-
- Công ty Cổ phần Pin Ấc quy miền Nam	-	-	11.949.136.500	-
- Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	-	-	16.524.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	109.500.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Vĩnh Phú	3.507.330.912	(1.665.377.779)	3.507.330.912	(1.665.377.779)
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	10.795.781.250	-	1.683.750.000	-
	<u>9.933.427.713.457</u>	<u>(6.754.264.005.830)</u>	<u>10.190.610.069.164</u>	<u>(6.385.338.968.281)</u>

(1) Các khoản phải thu liên quan đến Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm. Tại thời điểm 31/12/2025, Dự án đã tạm bàn giao đưa vào sử dụng cho Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình nhưng đến nay chưa được quyết toán công trình hoàn thành, Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ vay và lãi vay.

(\*) Khoản tiền Tập đoàn thanh toán nợ gốc và lãi vay đầu tư dự án Đạm Ninh Bình cho Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình theo các thông báo nhận nợ; Theo đó Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình có trách nhiệm nhận nợ và trả nợ cho Tập đoàn số tiền 115.878.125,17 USD (tương đương 3.036.354.513.245 VND) và 3.018.750.223.556 VND với lãi suất từ 4% đến 9,6%/năm đến khi Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình trả nợ cho Tập đoàn. Khoản nợ này đã được cơ cấu lại theo đề án tái cơ cấu và phương án cơ cấu khoản nợ đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận (Xem thêm thuyết minh số 30).

(2) Các khoản phải thu liên quan đến Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào đã dừng triển khai và đang thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng với các bên liên quan, đánh giá lại các vật tư, tài sản cố định đã đầu tư để kết nối sang “Dự án điều chỉnh, bổ sung Dự án khai thác và chế biến muối mỏ Kali tại Lào” có nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh bổ sung công nghệ khai thác và chế biến trên toàn bộ diện tích 10 km<sup>2</sup> (Xem tại Thuyết minh số 29).

(\*\*) Các khoản tiền đã được Tập đoàn trả thay Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào và phải trả liên quan đến các quyết định thi hành án, thanh toán tiền theo các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Toà án và theo thỏa thuận thanh toán sau phán quyết Trọng tài cho Vụ tranh chấp với các Nhà thầu TTCL và TVC.

## 9. NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>+ Phải thu khách hàng</b>	<b>245.435.875</b>	-	<b>245.435.875</b>	-
<b>+ Phải thu khác</b>	<b>6.966.165.144.482</b>	<b>211.901.138.652</b>	<b>6.962.404.253.194</b>	<b>577.065.284.913</b>
Công ty CP PinẮc quy Vĩnh Phú	1.665.377.779	-	1.665.377.779	-
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	6.964.499.766.703	211.901.138.652	6.960.738.875.415	577.065.284.913
<b>+ Phải thu về cho vay</b>	<b>1.872.635.508.339</b>	-	<b>2.052.635.508.339</b>	-
Công ty CP PinẮc quy Vĩnh Phú	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	1.866.035.508.339	-	2.046.035.508.339	-
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm ... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	2.251.077.850.715	-	2.251.077.850.715	-
Công ty CP PinẮc quy Vĩnh Phú	6.488.675.515	-	6.488.675.515	-
Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	2.244.589.175.200	-	2.244.589.175.200	-
	<b>8.839.046.088.696</b>	<b>211.901.138.652</b>	<b>9.015.285.197.408</b>	<b>577.065.284.913</b>

## 10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm <sup>(1)</sup>	98.858.294.991	98.858.294.991
Dự án xây dựng trụ sở làm việc 1A Tràng Tiền <sup>(2)</sup>	1.884.513.727	1.884.513.727
Dự án xây dựng chung cư Yên Hoà <sup>(3)</sup>	142.902.000	142.902.000
Dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc của Tập đoàn tại 3B Đặng Thái Thân	2.850.070.160	703.412.000
	<b>103.735.780.878</b>	<b>101.589.122.718</b>

(1) Dự án đầu tư Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm tại Ninh Bình, chủ đầu tư là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với tổng mức đầu tư là 667.046.504 USD, tương đương 10.806.153.346.000 đồng (Tỷ giá 16.200 đồng/USD) tại KCN Ninh Phúc, Ninh Bình. Ngày 15/10/2012, BQL dự án Đạm Ninh Bình đã thực hiện bàn giao dây chuyền sản xuất Urê cho Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình để hoạt động theo biên bản bàn giao nguyên trạng nhà máy Đạm Ninh Bình giữa 3 bên: Ban Quản lý dự án Đạm Ninh Bình, Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với giá trị tài sản tạm bàn giao là 11.633 tỷ đồng. Tập đoàn tạm điều chỉnh giảm một phần giá trị tài sản tạm bàn giao trên sổ sách của BLQ Dự án Nhà máy Đạm Ninh Bình.

(2) Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam tại số 1A, Phố Tràng tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội từ năm 2006. Ngày 17/03/2017, Hội đồng Thành viên Tập đoàn ban hành Nghị quyết số 47/NQ-HĐTV thống nhất về việc dừng dự án này.

(3) Thực hiện Quyết định số 1886/QĐ-BTC ngày 01/08/2014 của Bộ Tài chính về việc thu hồi nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước và Quyết định số 5503/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thu hồi cơ sở nhà, đất tại số 57 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam có văn bản số 1342/HCVN-TCKT ngày 21/10/2014 gửi Trung tâm Thương mại và Dịch vụ Hóa chất về việc Bàn giao cơ sở nhà, đất tại 57 Yên Hòa, Cầu Giấy. Ngày 01/12/2017, Trung tâm Thương mại và Dịch vụ hóa chất và Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội đã thực hiện ký nhận biên bản nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

## 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	6.371.833.777	14.529.069.805	12.948.179.255	2.653.288.431	36.502.371.268
- Mua trong năm	-	-	3.361.800.000	433.430.000	3.795.230.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.153.759.627)	-	(2.153.759.627)
- Phân loại lại	13.149.924.988	(12.110.089.410)	-	(1.039.835.578)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.521.758.765</b>	<b>2.418.980.395</b>	<b>14.156.219.628</b>	<b>2.046.882.853</b>	<b>38.143.841.641</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	6.371.833.777	14.529.069.805	8.730.126.262	2.500.550.863	32.131.580.707
- Khấu hao trong năm	-	-	1.634.306.415	173.987.568	1.808.293.983
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.153.759.627)	-	(2.153.759.627)
- Phân loại lại	13.149.924.988	(12.110.089.410)	-	(1.039.835.578)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.521.758.765</b>	<b>2.418.980.395</b>	<b>8.210.673.050</b>	<b>1.634.702.853</b>	<b>31.786.115.063</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	-	4.218.052.993	152.737.568	4.370.790.561
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.945.546.578</b>	<b>412.180.000</b>	<b>6.357.726.578</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.129.520.259 VND

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.363.500.000	540.279.800	1.903.779.800
Số dư cuối năm	<b>1.363.500.000</b>	<b>540.279.800</b>	<b>1.903.779.800</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	540.279.800	540.279.800
Số dư cuối năm	-	<b>540.279.800</b>	<b>540.279.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.363.500.000	-	1.363.500.000
Tại ngày cuối năm	<b>1.363.500.000</b>	-	<b>1.363.500.000</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 540.279.800 VND.

## 13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là 12 căn hộ thuộc Khu đô thị RESCO với giá trị theo Biên bản Quyết toán là 8.396.609.400 đồng. Tập đoàn mua với mục đích đền bù di dời 12 hộ dân trong khuôn viên trụ sở Tập đoàn để xây dựng trụ sở mới, đến thời điểm này các hộ dân chưa nhận nhà để di dời.

Theo Nghị quyết số 72/NQ-HĐTV, Phiên họp thứ 06 – năm 2020 của Hội đồng thành viên ngày 19/03/2020, Hội đồng thành viên đã chấp thuận đề nghị của Tổng Giám đốc Tập đoàn về việc tiếp tục thực hiện nhượng bán 12 căn hộ chung cư của Tập đoàn tại Khu đô thị RESCO, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Đến thời điểm hiện tại, Tập đoàn vẫn đang thực hiện chuyển nhượng 12 căn hộ chung cư này.

## 14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí trả trước về thuê xe ô tô	80.000.000	426.800.000
- Các khoản khác	1.585.520.000	190.351.993
	<b>1.665.520.000</b>	<b>617.151.993</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Tiền thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ, Hải Phòng (*)	4.108.044.400	4.314.722.475
	<b>4.108.044.400</b>	<b>4.314.722.475</b>

(\*) Tiền thuê đất trả tiền một lần tại khu đất CN5.3A rộng 30.000 m2 tại Khu công nghiệp Đình Vũ theo Hợp đồng thuê đất số DVIZJSC.074.2009.LLC.MKG ngày 30/12/2009. Thời hạn thuê đất từ ngày 01/12/2009 đến ngày 02/04/2047.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>726.171.237</b>	<b>726.171.237</b>	-	-
- Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam	14.993.950	14.993.950	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	956.500	956.500	-	-
- Công ty Cổ phần Bình Điền - MeKong	929.800	929.800	-	-
- Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	483.070.015	483.070.015	-	-
- Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	1.377.000	1.377.000	-	-
- Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	155.457.185	155.457.185	-	-
- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	8.283.390	8.283.390	-	-
- Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	1.951.450	1.951.450	-	-
- Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	56.620.690	56.620.690	-	-
- Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	2.531.257	2.531.257	-	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>458.199.788.155</b>	<b>458.199.788.155</b>	<b>457.428.910.175</b>	<b>457.428.910.175</b>
- Tổng Công ty Thiết kế và Thầu khoán Hoàn Cầu (*)	456.162.007.887	456.162.007.887	456.162.007.887	456.162.007.887
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (*)	1.058.852.655	1.058.852.655	1.058.852.655	1.058.852.655
- Đối tượng khác	978.927.613	978.927.613	208.049.633	208.049.633
	<b>458.925.959.392</b>	<b>458.925.959.392</b>	<b>457.428.910.175</b>	<b>457.428.910.175</b>

(\*) Khoản phải trả nhà thầu thi công Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	205.622.375	1.336.134.080	1.303.937.538	-	237.818.917
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.137.758.280	-	-	-	17.137.758.280	-
- Thuế thu nhập cá nhân	762.475.129	36.737.412	7.925.066.938	7.931.894.650	762.475.129	29.909.700
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.445.603.061	1.445.603.061	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	12.482.038	12.482.038	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	158.378.109.926	-	223.203.673.904	-	-	64.825.563.978
	<b>176.278.343.335</b>	<b>242.359.787</b>	<b>233.922.960.021</b>	<b>10.693.917.287</b>	<b>17.900.233.409</b>	<b>65.093.292.595</b>

Quyết toán thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Phải trả Ngân hàng VDB phần tiền lãi <sup>(1)</sup>	96.000.000.000	96.000.000.000
- Phải trả Công ty TNHH Hoá chất và Muối mỏ Việt Lào tiền thu hồi bảo lãnh tạm ứng hợp đồng Gói thầu số 9 (PMC)	1.660.000.000	1.660.000.000
- Trích trước chi phí quản lý Tập đoàn	9.396.342.020	3.389.704.440
- Phải trả khác	12.139.300.267	14.425.448.332
<b>Ban quản lý dự án Ninh Bình</b>		
- Phải trả Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình liên quan đến chi phí sản phẩm chạy thử <sup>(2)</sup>	95.101.727.211	95.101.727.211
- Phải trả khác	319.426.892	319.426.892
	<b>214.616.796.390</b>	<b>210.896.306.875</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	21.067.000
- Phải trả Ngân hàng VDB phần tiền lãi <sup>(1)</sup>	460.000.000.000	556.000.000.000
	<b>460.000.000.000</b>	<b>556.021.067.000</b>
<b>c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	1.660.000.000	1.660.000.000
- Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình	95.101.727.211	95.101.727.211
	<b>96.761.727.211</b>	<b>96.761.727.211</b>

<sup>(1)</sup> Khoản phải trả ngân hàng các khoản lãi. Tại ngày 31/12/2025 được phân loại lại theo các biên bản làm việc và hợp đồng gia hạn nợ gốc, nợ lãi phải trả.

<sup>(2)</sup> Khoản phải trả liên quan đến Dự án Nhà máy Sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm.

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (đã điều chỉnh)	Quỹ đầu tư phát triển (đã điều chỉnh)	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.718.000.000.000	697.526.911.486	(884.390.267.676)	13.531.136.643.810
Lãi trong năm trước	-	-	649.268.497.938	649.268.497.938
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>13.718.000.000.000</b>	<b>697.526.911.486</b>	<b>(235.121.769.738)</b>	<b>14.180.405.141.748</b>
Số dư đầu năm nay	13.718.000.000.000	697.526.911.486	(235.121.769.738)	14.180.405.141.748
Lãi trong năm nay	-	-	719.099.052.545	719.099.052.545
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	241.988.641.403	(241.988.641.403)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(18.784.967.500)	(18.784.967.500)
Lợi nhuận phải nộp (*)	-	-	(223.203.673.904)	(223.203.673.904)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>13.718.000.000.000</b>	<b>939.515.552.889</b>	<b>-</b>	<b>14.657.515.552.889</b>

(\*) Tập đoàn tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 về Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	13.718.000.000.000	100,00	13.718.000.000.000	100,00
	<b>13.718.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>13.718.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

### c) Các quỹ của Tập đoàn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	939.515.552.889	697.526.911.486
	<b>939.515.552.889</b>	<b>697.526.911.486</b>

## 19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

### a) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu giữ hộ cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương Mại Phương Đông				
- Cổ phiếu của Ông Trương Khắc Thông	74.042	10.000	74.042	10.000
- Cổ phiếu của Ông Trương Khắc Trí	74.042	10.000	74.042	10.000
- Cổ phiếu của Ông Trương Khắc Huệ	74.042	10.000	74.042	10.000

**b) Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	31/12/2025	01/01/2025
- Đô la Mỹ	USD	1.442,90	442,90

**20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.446.366.818	2.680.307.917
	<b>1.446.366.818</b>	<b>2.680.307.917</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	1.176.847.513	1.461.053.085

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.374.483.107	1.554.470.272
	<b>1.374.483.107</b>	<b>1.554.470.272</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
		(đã điều chỉnh)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	173.830.651.046	97.927.823.356
Lãi bán các khoản đầu tư	29.781.112.600	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	815.982.154.213	1.345.572.718.510
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	99.762.880.210	144.735.743.400
	<b>1.119.356.798.069</b>	<b>1.588.236.285.266</b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	815.982.154.213	1.345.572.718.510

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(44.609.041.226)	(6.921.990.095)
Chi phí chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	20.000.000	19.560.000
	<b>(44.589.041.226)</b>	<b>(6.902.430.095)</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.961.904.107	7.973.980.130
Chi phí nhân công	78.272.599.474	57.872.851.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.808.293.983	1.534.438.884
Chi phí dự phòng	188.925.037.549	801.804.231.403
Thuế, phí và lệ phí	1.690.476.063	1.484.218.335
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.482.759.377	8.924.025.344
Trích Quỹ phát triển khoa học công nghệ	55.000.000.000	-
Chi phí khác bằng tiền	105.532.060.859	70.369.911.892
	<b>447.673.131.412</b>	<b>949.963.657.491</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	306.000.000	-
Thu nhập từ phí quản lý và sử dụng tài sản KCN Đình Vũ	930.900.000	930.900.000
Thu nhập từ cho thuê văn phòng	840.000.000	1.680.000.000
Thu nhập khác	1.474.437.511	512.725.672
	<b>3.551.337.511</b>	<b>3.123.625.672</b>
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	<b>1.770.900.000</b>	<b>3.090.900.000</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
		(đã điều chỉnh)
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	719.099.052.545	649.268.497.938
Các khoản điều chỉnh tăng	1.081.715.878	384.105.297.182
- Chi phí không hợp lệ	1.081.715.878	2.728.764.531
- Chi phí dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chênh lệch với chi phí thuế	-	381.376.532.651
Các khoản điều chỉnh giảm	(997.167.245.993)	(1.345.572.718.510)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(815.982.154.213)	(1.345.572.718.510)
- Chi phí dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chênh lệch với chi phí thuế	(181.185.091.780)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(276.986.477.570)	(312.198.923.390)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(17.137.758.280)	(17.137.758.280)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(17.137.758.280)</b>	<b>(17.137.758.280)</b>
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(17.137.758.280)</b>	<b>(17.137.758.280)</b>

## 27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
			VND	VND
2021	Chưa thanh tra	-	-	-
2022	Đã kiểm toán Nhà nước	157.679.729.175	-	157.679.729.175
2023	Chưa thanh tra	1.218.008.472.981	-	1.218.008.472.981
2024 (đã điều chỉnh)	Đã kiểm toán Nhà nước	312.198.923.390	-	312.198.923.390
2025	Chưa thanh tra	276.986.477.570	-	276.986.477.570

Ban Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá khả năng Tập đoàn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

## 28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

### a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III theo hợp đồng vay	96.000.000.000	96.148.738.877

## 29. THÔNG TIN KHÁC

### Dự án Khai thác và Chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào

Ngày 29/05/2018, Hội đồng thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã ban hành Nghị Quyết số 174/NQ-HĐTV, ngày 08/06/2018, Tổng Giám đốc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã gửi Công văn số 995/HCVN-ĐTXD, yêu cầu Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (Vilachemsalt) phát hành văn bản thông báo chấm dứt các hợp đồng tới các Nhà thầu thuộc Dự án Khai thác và chế biến muối mỏ tại huyện Nongbok, tỉnh Khammouan, nước CHDCND Lào. Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng có hiệu lực, yêu cầu Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào tổ chức đàm phán với các nhà thầu để tiến hành quyết toán, thanh lý các hợp đồng thuộc Dự án theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước Lào.

Ngày 11/09/2018, Hội đồng thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã ban hành Nghị Quyết số 272/NQ-HĐTV về việc giao Vilachemsalt khẩn trương thực hiện thông báo chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư tới Nhà thầu EPC; Trả lại Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu và thực hiện các công việc liên quan theo các quy định của Hợp đồng EPC về việc chấm dứt hợp đồng có hiệu lực; Sau khi chấm dứt hợp đồng EPC có hiệu lực, giao Vilachemsalt tổ chức đàm phán với Nhà thầu EPC để tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng EPC thuộc dự án theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước Lào.

Ngày 26/10/2018, Hội đồng thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã ban hành Nghị Quyết số 296/NQ-HĐTV về việc chấm dứt các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cho Dự án muối mỏ Kali tại Lào.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại các văn bản của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo và triển khai ý kiến của Bộ Chính trị về chủ trương tiếp tục triển khai Dự án, văn bản của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban tại cuộc họp triển khai thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về chủ trương tiếp tục triển khai dự án. Tập đoàn đã tích cực tổ chức, chỉ đạo công tác triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư điều chỉnh, bổ sung Dự án, nghiên cứu, đánh giá, điều chỉnh bổ sung công nghệ khai thác và chế biến trên toàn bộ diện tích 10 km<sup>2</sup>. Trong đó, tập trung nghiên cứu công nghệ khai thác và chế biến diện tích 6,2 km<sup>2</sup> chưa được sử dụng để đầu tư khai thác và chế biến. Đồng thời, rà soát lại toàn bộ Dự án (diện tích 3,8 km<sup>2</sup>) đang thực hiện dở dang và hiện đã tạm dừng. Có tính đến khả năng kết nối hai phần diện tích nêu trên để toàn bộ Dự án trên diện tích 10 km<sup>2</sup> tiến hành thực hiện mang lại hiệu quả tối ưu nhất.

Năm 2025, Tập đoàn đã tập trung đẩy nhanh các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư. Đến nay, công tác tư vấn đầu thầu, thẩm tra dự toán đã hoàn thành; Nhà thầu Chonfar Engineering and Technology Co., Ltd đã hoàn thành lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án. Hiện đơn vị tư vấn đang khẩn trương hoàn thiện công tác thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi và lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

#### **Dự án Nhà máy sản xuất Phân đạm từ than cám công suất 1.760 tấn urê/ngày (560.000 tấn urê/năm)**

Tại thời điểm 31/12/2025, Nợ ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình là 5.192 tỷ VND, Tài sản ngắn hạn là 2.986 tỷ VND, lỗ lũy kế đã vượt vốn chủ sở hữu 4.255 tỷ VND. Trong kỳ, Công ty đã trả cho Tập đoàn số tiền 180 tỷ VND nợ gốc; trả nợ cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam số tiền 96 tỷ nợ lãi. Số nợ lãi còn lại đến 31/12/2025 là 556 tỷ VND.

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 568/2017/BC.KTQT-AASC-KTDA ngày 19/10/2017 về Quyết toán dự án hoàn thành Dự án Xây dựng nhà máy sản xuất phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn urê/năm đã đưa ý kiến từ chối.

### **30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 30/03/2026, Tập đoàn và Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình ký Hợp đồng v/v sửa đổi, bổ sung và hợp nhất giá trị khoản vay số [01]/2026/HĐSDBS-HN-HCVN với các điều khoản chính sau:

- Kể từ ngày 01/01/2026, Dư Nợ Gốc Hợp Nhất để theo dõi và thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH MTV Đạm Ninh Bình đối với Tập đoàn là 4.884.785.731.895 VND và 115.878.125,51 USD. Dư Nợ Gốc Hợp Nhất được hình thành và phát sinh các khoản các khoản Tập đoàn đã ký kết với các Ngân Hàng để vay vốn đầu tư thực hiện Dự án và đã cho Công ty vay lại theo các Hợp đồng cho vay lại; và các khoản Tập đoàn đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với các Ngân Hàng, được Công ty ghi nhận nghĩa vụ hoàn trả đối với Tập đoàn thông qua các Hợp đồng hỗ trợ vốn và/hoặc các Thông báo nhận nợ hiện hữu (chi tiết tại Thuyết minh số 7 và Thuyết minh số 8\*).
- Các nội dung sửa đổi, bổ sung của Hợp đồng hợp nhất như thời hạn trả nợ và các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến chính sách lãi suất vay được thực hiện theo phương án cơ cấu khoản vay của Công ty đối với Tập đoàn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tập đoàn là doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Các bên liên quan được định nghĩa ở Thuyết minh số 2.20. Thông tin chi tiết về các bên liên quan là công ty con, công ty liên kết được trình bày ở Thuyết minh số 4.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tập đoàn còn có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.176.847.513</b>	<b>1.461.053.085</b>
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	84.000.000	81.111.110
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	207.605.090	195.504.267
Công ty Cổ phần Xà Phòng Hà Nội	96.000.000	96.000.000
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	240.000.000	440.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	-	60.000.000
Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	-	110.437.708
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	50.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	45.454.545	80.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	50.000.000	80.000.000
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	165.000.000	168.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Miền Nam	70.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	30.000.000	-
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hoá chất	58.787.878	-
<b>Doanh thu tài chính</b>	<b>815.982.154.213</b>	<b>1.345.572.718.510</b>
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	192.214.012.163	403.336.772.310
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	84.159.302.400	56.106.201.600
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	71.827.500.000	71.827.500.000
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	15.579.406.500	15.579.406.500
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển	25.256.887.000	25.256.887.000
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	94.550.382.000	78.791.985.000
Công ty Cổ phần Bột giặt LIX	39.657.600.000	66.096.000.000
Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	23.898.273.000	47.796.546.000
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	16.046.856.000	12.837.484.800
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	28.223.320.500	22.578.657.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	15.856.754.700	15.856.754.700
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	35.999.614.800	71.999.229.600
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền	92.898.000.000	92.898.000.000
Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Việt Nam	6.861.254.400	6.237.504.000
Công ty Cổ phần Càng đạm Ninh Bình	-	3.430.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	6.062.469.000	6.062.469.000
Công ty Cổ phần Bột giặt NET	52.419.237.000	40.322.490.000
Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC VINA	14.182.218.750	4.289.100.000
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	289.066.000	1.011.731.000
Công ty TNHH Inoue Việt Nam	-	303.258.000.000

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>5.949.175.064</b>	<b>4.193.122.322</b>
Trường Cao đẳng Công nghiệp Hoá chất	5.031.762.800	4.193.122.322
Viện hóa học Công nghiệp Việt Nam	917.412.264	-
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.770.900.000</b>	<b>3.090.900.000</b>
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	930.900.000	930.900.000
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	-	480.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	840.000.000	1.680.000.000

### 32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 để phù hợp với Nghị định số 20/2018/NĐ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và theo Thông báo số 01/TB-KTNN ngày 05/01/2026 của Kiểm toán Nhà nước về Kết quả kiểm toán tại Công ty mẹ Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
<b>a/ Bảng cân đối kế toán riêng</b>				
- Phải thu ngắn hạn khác	136	10.923.691.538.341	10.950.768.196.509	27.076.658.168
- Chi phí trả trước ngắn hạn	151	426.800.000	617.151.993	190.351.993
- Vốn góp của chủ sở hữu	411	11.874.779.227.183	13.718.000.000.000	1.843.220.772.817
- Quỹ đầu tư phát triển	418	2.069.329.955.942	697.526.911.486	(1.371.803.044.456)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(262.388.779.899)	(235.121.769.738)	27.267.010.161
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	471.417.728.361	-	(471.417.728.361)
<b>b/ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>				
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.561.159.627.0	1.588.236.285.2	27.076.658.168
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	950.154.009.484	949.963.657.491	(190.351.993)

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
<b>c/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>				
- Lợi nhuận trước thuế	01	622.001.487.777	649.268.497.938	27.267.010.161
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.416.423.226.698)	(1.443.499.884.866)	(27.076.658.168)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	(190.351.993)	(190.351.993)

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Vi Hoàng Sơn

Trần Quốc Cương

Nguyễn Hữu Tú